

## NGHỆ THUẬT XÂY DỰNG TÌNH HUỐNG TRONG TẬP TRUYỆN NGƯỜI TỊ NẠN CỦA NGUYỄN THANH VIỆT

**Phan Nguyễn Hoài Bảo <sup>(1)</sup>**

(1) Học viên cao học Trường Đại học Sài Gòn

Email tác giả: [phng.hoaibao0211@gmail.com](mailto:phng.hoaibao0211@gmail.com)

Ngày nhận bài: 13/01/2026; Chấp nhận đăng: 01/4/2026

### **Tóm tắt**

Bài viết phân tích nghệ thuật xây dựng tình huống truyện trong tập truyện ngắn Người tị nạn của Nguyễn Thanh Việt trên cơ sở kết hợp các hướng tiếp cận của Phê bình phân tâm học, Triết học hiện sinh và nghiên cứu văn học di dân. Trên cơ sở quan niệm tình huống truyện là hạt nhân cấu trúc quy tụ và làm bộc lộ xung đột trung tâm, nghiên cứu tập trung vào hai phương diện nổi bật: các tình huống éo le và thử thách gắn với hành trình vượt biên, đời sống tạm cư trong trại tị nạn; và các tình huống xung đột văn hóa trong bối cảnh định cư. Qua khảo sát các truyện tiêu biểu, bài viết cho thấy Nguyễn Thanh Việt thường kiến tạo những hoàn cảnh có tính bước ngoặt, đan xen hiện tại với hồi ức, sử dụng khoảng lặng ngôn ngữ và chi tiết giàu tính biểu tượng nhằm làm nổi bật chấn thương tinh thần, cảm thức lưu vong và khủng hoảng căn tính của nhân vật. Nhờ đó, tình huống truyện không chỉ giữ vai trò triển khai cốt truyện mà còn trở thành phương tiện biểu đạt chiều sâu tâm lý và quá trình thương lượng căn tính của chủ thể di dân trong không gian đa văn hóa.

**Từ khóa:** căn tính lưu vong, Nguyễn Thanh Việt, Người tị nạn, phê bình phân tâm học, tình huống truyện, triết học hiện sinh, văn học di dân.

### **Abstract**

#### **THE ART OF SITUATIONAL CONSTRUCTION IN VIET THANH NGUYEN'S SHORT STORY COLLECTION THE REFUGEES**

This article examines the art of constructing narrative situations in Viet Thanh Nguyen's short story collection *The Refugees* through the combined perspectives of psychoanalytic criticism, existential philosophy, and migration literature studies. Conceiving narrative situation as the structural core through which a text's central conflict is organized and revealed, the study focuses on two prominent dimensions: situations of hardship and ordeal associated with the journey of escape by sea and the provisional life in refugee camps, and situations of cultural conflict arising in the context of resettlement. Through an analysis of representative stories, the article shows that Nguyen frequently constructs pivotal circumstances, interweaves the present with memory, and employs strategic silences together with symbolically charged details to foreground psychological trauma, the sense of exile, and the crisis of identity experienced by his characters. In this way, narrative situations function not only as mechanisms for advancing the plot but also as artistic devices for expressing psychological depth and the migrant subject's ongoing negotiation of identity within multicultural spaces.

### **1. Đặt vấn đề**

Trong tập truyện *Người tị nạn*, Nguyễn Thanh Việt kiến tạo những tình huống truyện giàu sức nén nhằm tái hiện sâu sắc trải nghiệm hiện thực và đời sống tinh thần

của cộng đồng người Việt lưu vong sau chiến tranh. Bàn về đặc trưng của truyện ngắn, Bùi Việt Thắng nhận định: “Truyện ngắn là “khoảnh khắc”. Trong cả một đời, người viết chỉ chọn lấy một “khoảnh khắc” quan trọng nhất, tiêu biểu nhất để viết” (Bùi Việt Thắng, 2000, tr.364). Từ phương diện này có thể thấy, Nguyễn Thanh Việt đã bám sát thân phận người tị nạn để xây dựng những tình huống tiêu biểu gắn với hành trình vượt biên đi tìm tự do, quãng đời “lưng lơ” trong các trại tị nạn và những va chạm văn hóa khi con người bước vào một xã hội xa lạ. Những tình huống ấy không chỉ giữ vai trò điểm tựa cho cốt truyện mà còn trở thành không gian nghệ thuật để ký ức chiến tranh, dư chấn lịch sử và khủng hoảng căn tính được biểu hiện bằng bút pháp tiết chế, lặng lẽ nhưng ám ảnh. Từ phát biểu của Nguyễn Thanh Việt về cảm giác “luôn sống hai đời sống, một trong nền văn hóa lớn hơn mà bạn đang hòa nhập và một gần với bản chất hơn khi ở trong cộng đồng của mình và nói thứ tiếng của mình” (Nguyễn Thanh Việt, 2017, tr.11), có thể xem trạng thái lưỡng diện của chủ thể di dân như một gợi dẫn quan trọng để tiếp cận nghệ thuật xây dựng tình huống truyện trong tập truyện này. Trên cơ sở đó, tình huống truyện trong *Người tị nạn* không chỉ góp phần triển khai diễn biến của tác phẩm mà còn làm nổi bật những chấn thương tinh thần, những khoảng khuất của ký ức và quá trình thương lượng căn tính của con người lưu vong trong môi trường đa văn hóa.

## 2. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Bài viết tiếp cận nghệ thuật xây dựng tình huống trong tập truyện *Người tị nạn* trên cơ sở kết hợp các hướng tiếp cận của *Phê bình phân tâm học*, *Triết học hiện sinh* và nghiên cứu văn học di dân. Trong đó, *Phê bình phân tâm học* cung cấp cơ sở để lý giải các ám ảnh vô thức, chấn thương tinh thần và những xung đột nội tâm của nhân vật; *Triết học hiện sinh* giúp làm rõ cảm thức lo âu, cô đơn, lạc lõng cùng hành trình truy vấn ý nghĩa tồn tại của con người trong hoàn cảnh lưu vong còn nghiên cứu văn học di dân tạo khung tham chiếu để nhận diện trải nghiệm vượt biên, tị nạn, định cư và những va chạm văn hóa gắn với quá trình dịch chuyển không gian sống.

Trong phạm vi bài viết, tình huống truyện được hiểu là hoàn cảnh nghệ thuật do nhà văn chủ ý kiến tạo nhằm tổ chức và làm nổi bật xung đột trung tâm của tác phẩm. Đối với truyện ngắn, tình huống giữ vai trò hạt nhân cấu trúc, bởi chính trong những hoàn cảnh đặc biệt ấy, nhân vật bị đặt vào trạng thái phải lựa chọn, hành động hoặc đối diện với các giới hạn tồn tại của mình. Thông qua đó, đời sống nội tâm, những đứt gãy trong ý thức và hệ giá trị của nhân vật được bộc lộ một cách tập trung. Ở *Người tị nạn*, các tình huống vượt biên, đời sống tạm cư trong trại tị nạn và những va chạm văn hóa trong quá trình định cư không chỉ đảm nhiệm chức năng triển khai cốt truyện mà còn tạo nên không gian biểu đạt chấn thương, cảm thức lưu vong và khủng hoảng căn tính. Nhân vật thường tồn tại trong trạng thái căng thẳng giữa ký ức chiến tranh và thực tại mới, giữa cộng đồng gốc và xã hội tiếp nhận, giữa nhu cầu hòa nhập và cảm giác mất gốc. Vì vậy, tình huống truyện trở thành nơi hội tụ của thử thách sinh tồn, những ám ảnh ký ức và quá trình xác lập lại vị thế bản thân trong môi trường đa văn hóa. Việc đặt tình huống truyện trong tương quan với kinh nghiệm di dân cho phép nhận diện rõ hơn cách Nguyễn Thanh Việt kiến tạo các điểm nhấn nghệ thuật nhằm làm nổi bật kinh nghiệm lịch sử và tâm thế tồn tại của chủ thể tị nạn.

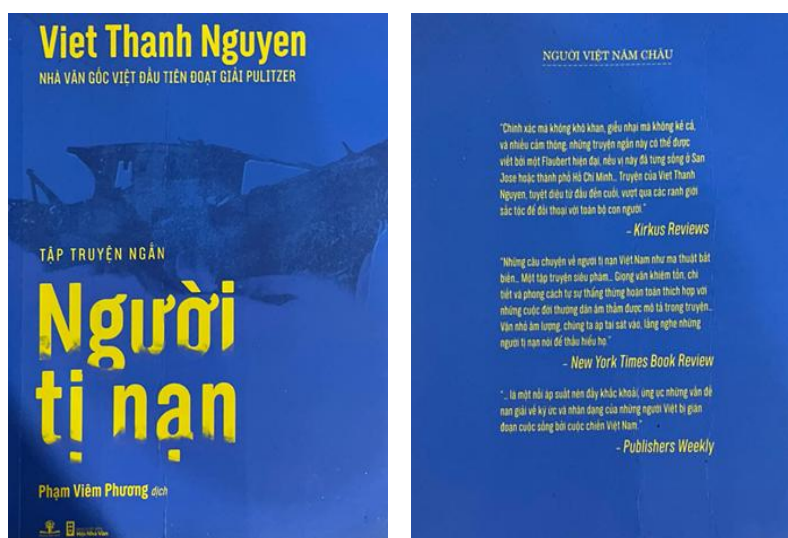
Trên cơ sở định hướng lý luận đó, bài viết vận dụng phương pháp cấu trúc – hệ thống để khảo sát vai trò và sự vận hành của các tình huống trong chính thể nghệ thuật

của từng truyện và của toàn bộ tập truyện; phương pháp phân tích - tổng hợp nhằm làm rõ các biểu hiện cụ thể của tình huống truyện ở các phương diện tâm lí, hành vi và ngôn ngữ; đồng thời sử dụng cách tiếp cận liên ngành nhằm đặt văn bản trong bối cảnh lịch sử chiến tranh, di cư và lưu vong hậu chiến, qua đó làm sáng tỏ mối liên hệ giữa hình thức nghệ thuật và hiện thực xã hội được phản ánh trong tác phẩm.

### 3. Kết quả, thảo luận

#### 3.1 Nghệ thuật xây dựng tình huống éo le, thử thách

Trong *Người tị nạn*, Nguyễn Thanh Việt kiến tạo tình huống vượt biên như một điểm cực của thử thách sinh tồn, nơi thân phận con người bị đẩy tới giới hạn mong manh nhất trước thiên nhiên và bạo lực đồng loại. Biển cả ở đây không chỉ là bối cảnh không gian mà còn vận hành như một cấu trúc đối lập: mệnh mông, vô định và luôn có khả năng nuốt chửng con thuyền nhỏ bé chở “hơn trăm người”. Sự tương phản ấy tạo nên nền tảng cho tình huống éo le: con người xuất hiện như những sinh thể bị thu nhỏ trước những lực lượng vượt quá khả năng kiểm soát của họ. Trong truyện *Những người đàn bà mất đèn*, Nguyễn Thanh Việt mở đầu bằng một khoảnh khắc tưởng như yên bình: “Sau bốn ngày yên ắng trên một vùng biển lặng dưới bầu trời xanh và những đêm trong trẻo, cuối cùng những hòn đảo cũng hiện ra” (Nguyễn Thanh Việt, 2017, tr.31). Chính cảm giác “yên ắng” và hình ảnh những hòn đảo hiện ra ở phía trước đã tạo nên ảo giác an toàn, khiến cả nhân vật lẫn người đọc cùng tin vào khả năng cập bến. Tuy nhiên, sự yên bình ấy chỉ là khoảng lặng trước biển cố, làm cho cú chuyển sau đó trở nên đột ngột và dữ dội hơn: “một con thuyền khác xuất hiện ở xa xa, tiến về phía chúng tôi. Nó đi nhanh còn chúng tôi quá chậm, chở nặng hơn trăm người trên một con thuyền đánh cá vốn dự trù chỉ đủ cho một toán ngư dân” (Nguyễn Thanh Việt, 2017, tr.31). Ở đây, tình huống được tổ chức theo logic tương phản: “đi nhanh” đối lập với “quá chậm”, “dự trù” đối lập với “chở nặng hơn trăm người”. Những chi tiết tưởng như chỉ mang tính kỹ thuật ấy thực chất lại tạo nên cảm giác bất lực mang tính cấu trúc: con thuyền không còn khả năng thoát thân, và thử thách vì thế không dừng ở nguy cơ tiềm ẩn mà lập tức biến thành một tình thế không lối ra.



Hình 1. Hình chụp ảnh bìa tập truyện ngắn “Người tị nạn”

Nguồn: Tập truyện ngắn Người tị nạn

Biển cổ ấy được kể lại qua hồi ức của người sống sót, và chính điểm nhìn hồi cố đã làm nổi bật hệ quả kéo dài của thử thách. Nhân vật “tôi” thừa nhận: “Tôi sống và anh ấy chết ra sao. Tôi trẻ hơn và yếu hơn, nhưng người mà chúng tôi chôn cất lại là anh ấy, để anh ấy trôi xuống biển không một tấm khăn liệm hay một lời từ miệng tôi” (Nguyễn Thanh Việt, 2017, tr.29). Cấu trúc đối sánh giữa “trẻ hơn và yếu hơn” với “chôn cất lại là anh ấy” không chỉ nhấn mạnh tính phi lí của số phận mà còn cho thấy thử thách không khép lại ở ranh giới sống còn, mà chuyển hóa thành mặc cảm sống sót đeo bám nhân vật. Cái éo le ở đây không nằm đơn thuần ở việc một người chết, một người sống, mà ở chỗ người sống phải tiếp tục mang theo câu hỏi không lời giải về sự tồn tại của chính mình. Khi cướp biển xuất hiện, tình huống đạt đến đỉnh điểm của bạo lực. Nguyễn Thanh Việt không cường điệu hóa bằng thứ ngôn ngữ kịch tính mà chỉ chọn những chi tiết ngắn, lạnh và dứt khoát: “Những người này cũng là dân chài... ngoại trừ việc họ mang mã tấu và súng tiểu liên. Họ lấy vàng... bắn chết một người cha và một ông chồng dám phản đối” (Nguyễn Thanh Việt, 2017, tr.31-32). Việc nhấn mạnh “cũng là dân chài” khiến ranh giới giữa cái quen thuộc và cái nguy hiểm hoàn toàn sụp đổ; cái ác không đến từ một lực lượng xa lạ mà xuất hiện ngay trong hình hài của những con người tưởng như gần gũi. Bởi vậy, thử thách ở đây không chỉ là bạo lực thể xác mà còn là sự tan vỡ của niềm tin vào tính ổn định của thế giới. Giữa hỗn loạn ấy, hành động người anh cải trang cho em gái: “Anh Hai dẫn tôi vào phòng máy chạt chọi... “Đừng nói gì hết”... “Mày vẫn nói giọng con gái. Bây giờ cởi áo ra” (Nguyễn Thanh Việt, 2017, tr.31) cho thấy bản năng bảo vệ bật lên trong tình thế tuyệt vọng. Lời dặn “Đừng nói gì hết” cho thấy trong hoàn cảnh này, ngôn ngữ không còn là phương tiện giao tiếp mà có thể trở thành nguyên nhân của cái chết. Tuy nhiên, lớp nguy trang mong manh ấy ngay lập tức bị đe dọa bởi một câu trêu chọc tưởng nhẹ mà đầy hiểm họa: “Mày đẹp trai lắm” (Nguyễn Thanh Việt, 2017, tr.32). Từ đây, thử thách không chỉ diễn ra ở bình diện sinh tồn mà còn chạm đến giới hạn của phẩm giá, giới tính và sự bất lực của con người trước bạo lực.

Cú đánh giáng xuống người anh không chỉ chấm dứt một mạng sống mà còn định hình một ký ức chấn thương kéo dài trong tâm trí người kể chuyện: “kéo khẩu súng máy lên, và đập cán súng thật mạnh vào đầu anh tôi. Tiếng vỡ vụn - tôi vẫn còn nghe thấy” (Nguyễn Thanh Việt, 2017, tr.32); “Anh ấy ngã xuống...âm thanh kinh người đến nay còn vang trong ký ức của tôi” (Nguyễn Thanh Việt, 2017, tr.32). Việc nhấn mạnh vào âm thanh cho thấy biển cổ đã không dừng lại ở cấp độ hành động mà chuyển hóa thành một ám ảnh giác quan, tiếp tục tái diễn trong hồi ức người sống sót. Sau cao trào hữu hình ấy là một tầng thử thách vô hình nhưng dai dẳng hơn của im lặng: “Tôi chẳng nghe được gì nữa...Thế giới bị khóa miệng...không ai trong chúng tôi thốt ra một tiếng nào về chuyện này. Sự im lặng của họ và của chính tôi sẽ cứ đi cứ lại vào tôi” (Nguyễn Thanh Việt, 2017, tr.33). Ở đây, “thế giới bị khóa miệng” không chỉ là một cảm giác nhất thời sau cú sốc mà đã trở thành một trạng thái tồn tại. Im lặng vừa là cơ chế tự vệ, vừa là hình thức duy trì chấn thương, bởi điều không thể nói ra lại càng ám ảnh sâu hơn trong tâm thức. Hình ảnh “đầu thuộc lá cháy âm ỉ của Thượng đế, lơ lửng giữa trời trước khi nó bị dí vào da tôi” (Nguyễn Thanh Việt, 2017, tr.33) còn đẩy tình huống lên bình diện biểu tượng: Thượng đế hiện ra như một đóm lửa yếu ớt, mong manh và cuối cùng bị dập tắt, qua đó diễn tả cảm thức bị bỏ rơi của con người trước đau khổ. Hậu quả của thử thách vì thế tiếp tục kéo dài qua lối sống “lẩn tránh ban ngày và ánh nắng” (Nguyễn Thanh Việt, 2017, tr.33), cho thấy kinh nghiệm sinh tồn đã chuyển hóa thành khủng hoảng tồn tại. Tình huống hồn ma người anh trở về càng nói dài mạch thử thách ấy, khi câu hỏi “Kể em nghe đi...Tại sao em sống còn anh chết?” (Nguyễn Thanh Việt,

2017, tr.34) và lời khẳng định “Mày cũng chết rồi...Có điều mày không biết thôi” (Nguyễn Thanh Việt, 2017, tr.34) đã đẩy bi kịch từ bình diện sự kiện sang bình diện bản thể. Vấn đề không còn là sống hay chết theo nghĩa sinh học, mà là câu hỏi về ý nghĩa của sự sống sau biến cố, khi con người vẫn tồn tại nhưng tinh thần đã bị thương tổn không thể phục hồi nguyên vẹn.

Mô-típ thử thách sinh tồn ấy còn tiếp tục được triển khai trong *Kẻ thứ ba*, nơi Nguyễn Thanh Việt mở rộng thử thách từ sinh tử sang bình diện đạo đức. Trong khoảnh khắc hiểm nguy, nhân vật nhận ra mình có thể hành động trái với chính chuẩn mực mà bản thân từng tin tưởng: “Tuy cậu không dự tính đâm đá... nhưng cậu lại thấy mình làm như thế” (Nguyễn Thanh Việt, 2017, tr.49-50). Biến cố ấy cho thấy khi bị dồn tới giới hạn, con người không chỉ bị thử thách về khả năng tồn tại mà còn bị thử thách trong chính nền tảng đạo đức của mình. Nhận thức tiếp theo: “Cậu cố quên điều cậu đã khám phá ra, rằng mạng sống của người khác trở nên nhỏ nhoi biết bao đối với mình khi chính mạng sống của mình cũng đang bị đe dọa” (Nguyễn Thanh Việt, 2017, tr.50) đã bóc tách một sự thật đau đớn, trong tình thế cực hạn, bản năng sinh tồn có thể lấn át hoàn toàn những nguyên tắc luân lý. Ngay cả khi đã vượt qua hiểm nguy trực diện, thử thách cũng không chấm dứt mà tiếp tục chuyển sang dạng thức kéo dài trong trại tị nạn: “Một tháng sau cậu ở Trại Pendleton, San Diego, chờ bảo lãnh” (Nguyễn Thanh Việt, 2017, tr.50). Trạng thái “chờ” ở đây cho thấy đời sống con người bị treo lơ lửng giữa quá khứ chưa thể khép lại và tương lai chưa thể xác quyết. Việc viết thư mà “trong cả hai thư... cậu chỉ viết về nơi cậu sống” (Nguyễn Thanh Việt, 2017, tr.50) phản ánh một cơ chế tự kiểm duyệt sinh ra từ nỗi sợ và chán thương, trong khi khoảnh khắc bình yên “trong vài giây khi cậu vừa thức dậy” (Nguyễn Thanh Việt, 2017, tr.50) cùng giấc mơ “trong đó cậu nói được tiếng Anh hoàn hảo” (Nguyễn Thanh Việt, 2017, tr.50) cho thấy thử thách đã dịch chuyển từ bạo lực hữu hình sang trạng thái bất định tâm lý và khủng hoảng căn tính. Dấu ấn của những thử thách ấy thậm chí còn in sang cả thế hệ sau qua lời kể: “Tôi không ra đời ở đó, mà tôi sinh ra trong một trại tị nạn ở Guam” (Nguyễn Thanh Việt, 2017, tr.172). Trại tị nạn vì thế không chỉ là một địa điểm của quá khứ mà còn trở thành nền ký ức định hình căn tính nhiều thế hệ. Có thể thấy, chuỗi tình huống éo le và thử thách trong *Người tị nạn* được Nguyễn Thanh Việt tổ chức theo một tiến trình rõ nét từ thử thách sinh tử đến thử thách ký ức, từ thử thách đạo đức đến thử thách tồn tại và nhận thức. Biến cố không khép lại ở thời điểm nó xảy ra mà tiếp tục vận hành như một cấu trúc tinh thần kéo dài, buộc con người phải sống chung với ám ảnh, mất mát và câu hỏi về ý nghĩa tồn tại. Chính ở phương diện này, văn xuôi Nguyễn Thanh Việt không chỉ tái hiện lịch sử như một chuỗi sự kiện, mà còn khắc họa lịch sử như một vết thương tinh thần kéo dài trong số phận con người, đúng như nhận xét rằng văn chương của ông “làm chứng nhân cho cuộc sống của những con người mà chúng ta không được quyền quên lãng” (Michael Schaub, NPR, 2017).

### 3.2. Nghệ thuật xây dựng tình huống xung đột văn hóa

Trong *Người tị nạn*, xung đột văn hóa được kiến tạo như một dạng thử thách đặc thù của đời sống định cư, khi con người không còn phải trực tiếp đối diện với hiểm nguy sinh tồn mà chuyển sang đối diện với những khác biệt về hệ giá trị, ký ức lịch sử và chuẩn mực ứng xử. Nếu hành trình vượt biên đặt nhân vật trước giới hạn của sự sống, thì đời sống trên đất mới lại đặt họ trước những giới hạn của nhận thức và căn tính. Từ đó, tình huống truyện trở thành phương tiện làm nổi bật quá trình xác định vị thế và cảm thức thuộc về của chủ thể di dân trong môi trường đa văn hóa, nơi mỗi nhân

vật buộc phải lựa chọn cách ứng xử và cách tồn tại giữa những va chạm văn hóa không dễ dung hòa.

Ở cấp độ vi mô, xung đột văn hóa được biểu đạt qua những chi tiết sinh hoạt đời thường nhưng mang ý nghĩa biểu tượng. Trong *Vụ ghép tạng*, trải nghiệm ẩm thực được sử dụng như một tình huống khởi phát giao thoa văn hóa. Khi Arthur thưởng thức món bò tái chanh và liên tưởng đến ceviche, ông tự hỏi: “Khi Arthur ăn món đầu tiên trong lần gần đây nhất họ ghé quán đó, một món rau trộn mọng nước với bò tái xắt mỏng như tờ giấy và ướp chanh với sả, một món na ná với món gỏi ceviche mà ông thích, ông tự hỏi món này ở Việt Nam có mùi vị thế nào” (Nguyễn Thanh Việt, 2017, tr.70). Sự liên tưởng này cho thấy cơ chế tiếp nhận văn hóa vận hành qua so sánh và đối chiếu. Cái lạ không bị loại bỏ mà được đặt trong quan hệ tương thích với cái quen. Tình huống vì thế không nhấn mạnh mâu thuẫn mà làm nổi bật tính tương liên giữa các hệ giá trị, cho thấy giao thoa văn hóa có thể diễn ra trong những khoảng khắc bình dị nhất của đời sống.

Trong không gian gia đình di dân, xung đột văn hóa trở nên trực diện và giàu kịch tính hơn khi gắn với khác biệt thế hệ. Trong *I'd Love You to Want Me*, mâu thuẫn giữa Vinh và mẹ không đơn thuần là bất đồng giữa cha mẹ và con cái mà phản ánh sự va chạm giữa hai mô hình giá trị. Lời phản kháng của Vinh: “Con đang yêu... Nhưng má không hiểu gì về chuyện đó, phải không?” (Nguyễn Thanh Việt, 2017, tr.104) cho thấy sự đứt gãy trong giao tiếp và khoảng cách giữa quan niệm truyền thống về hôn nhân với ý thức cá nhân chịu ảnh hưởng của môi trường phương Tây. Tình huống này đặt hai hệ giá trị vào thế đối thoại căng thẳng. Tuy nhiên, tác giả không xây dựng xung đột theo lối đối kháng tuyệt đối. Qua việc đặt song song hai điểm nhìn, nhà văn cho thấy mỗi hệ giá trị đều có cơ sở lịch sử và đạo lý riêng. Căn tính của chủ thể di dân vì thế không phải sự phủ định một phía mà là quá trình dung hòa giữa kế thừa và thích nghi.

Ở bình diện rộng hơn, xung đột văn hóa trong *Người Mỹ* được đặt trong tương quan với ký ức chiến tranh và định kiến lịch sử. James Carver nhìn Việt Nam từ khoảng cách của một cựu phi công ném bom: “Hắn không bao giờ đánh liều tới Việt Nam, một xứ sở mà ông hầu như chẳng biết gì về nó ngoại trừ hình dáng của nó khi nhìn từ trên cao cỡ mười hai cây số” (Nguyễn Thanh Việt, 2017, tr.125). Khoảng cách “mười hai cây số” không chỉ là độ cao địa lý mà còn biểu trưng cho khoảng cách nhận thức, cho cái nhìn từ xa thiếu sự tiếp xúc trực tiếp với đời sống con người. Thành kiến ấy tiếp tục bộc lộ qua nhận xét về Legaspi: “Cũng như vẻ lạc điệu giữa bè ngoài Á Đông và cái họ của Legaspi, vốn nhận được từ cha mẹ nuôi của cậu ta” (Nguyễn Thanh Việt, 2017, tr.126).

Mâu thuẫn đạt đến cao trào khi Claire khẳng định sự gắn bó của mình với Việt Nam và bị cha phủ nhận: “Con nói con mang trong mình một tâm hồn Việt. Đó là một kiểu tu từ, một cách diễn tả thôi. Nó có nghĩa rằng con nghĩ mình đã tìm được chỗ mà con có thể làm điều tốt và đền bù cho một số việc ba đã làm” (Nguyễn Thanh Việt, 2017, tr.143). Tuy nhiên, bản thân Claire từng chịu tổn thương khi bị hỏi “Mày là cái gì?” (Nguyễn Thanh Việt, 2017, tr.121). Trải nghiệm bị định danh và loại trừ ấy giúp cô thấu hiểu cảm giác của kẻ bị đặt bên lề, từ đó trở thành cầu nối giữa hai hệ giá trị. Ở đây, tình huống xung đột không kết thúc bằng đoạn tuyệt mà được chuyển hóa thành quá trình điều chỉnh nhận thức. Nhân vật buộc phải đối diện với giới hạn của chính mình để mở ra khả năng thay đổi.

Nhìn tổng thể, các tình huống xung đột văn hóa trong *Người tị nạn* được tổ chức như những điểm thử thách về nhận thức và căn tính. Sự khác biệt không bị đẩy tới mức

tuyệt đối hóa thành ranh giới bất khả dung hòa mà được đặt trong vận động của kinh nghiệm sống. Qua đó, Nguyễn Thanh Việt cho thấy căn tính di dân là một tiến trình hình thành liên tục, trong đó ký ức nguồn cội và môi trường mới luôn ở trạng thái tương tác. Xung đột văn hóa vì thế vừa là biểu hiện của chia cắt vừa là điều kiện của trưởng thành, góp phần làm nổi bật khả năng đối thoại và tái cấu trúc bản thân trong bối cảnh đa văn hóa.

#### 4. Kết luận

Qua phân tích có thể khẳng định Nguyễn Thanh Việt đã khai thác hiệu quả vai trò trung tâm của tình huống truyện trong cấu trúc *Người tị nạn*. Các tình huống được tổ chức như những điểm nút hội tụ xung đột, nơi nhân vật bị đẩy vào thử thách sinh tồn, đối diện với ký ức chiến tranh hoặc buộc phải xác lập lại vị thế của mình trong môi trường văn hóa mới. Ở nhóm tình huống vượt biên và trại tị nạn, nhà văn làm nổi bật sự mong manh của thân phận và những dư chấn tinh thần kéo dài sau biển cố. Ở nhóm tình huống xung đột văn hóa, ông nhấn mạnh sự va chạm giữa các hệ giá trị và quá trình thương lượng căn tính của chủ thể di dân. Thông qua kết cấu đan xen thời gian, điểm nhìn hồi ức và sự tiết chế lời bình, Nguyễn Thanh Việt đã biến trải nghiệm lưu vong thành những cấu trúc tự sự giàu sức nén và chiều sâu nhân văn, qua đó khẳng định giá trị nhận thức của văn học di dân trong việc soi sáng thân phận con người giữa biến động lịch sử và không gian đa văn hóa.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bùi Việt Thắng. (2000). *Truyện ngắn: Những vấn đề lí thuyết và thực tiễn thể loại*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [2] Đỗ Lai Thúy. (2004). *Phân tâm học và văn hóa nghệ thuật*. Nhà xuất bản Văn hóa Nghệ thuật.
- [3] Flynn, T. (2018). *Chủ nghĩa hiện sinh - Dẫn luận ngắn* (Đình Hồng Phúc, dịch). Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.
- [4] Freud, S. (1970). *Phân tâm học về tính dục* (Thụ Nhân, dịch). Nhị Nùng.
- [5] Huỳnh Như Phương. (2020). *Tiến trình văn học (Khuyh hướng và trào lưu)*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- [6] Huỳnh Như Phương. (2021). *Tác phẩm và thể loại văn học*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- [7] Nguyễn Hồng Anh. (2024). *Tác phẩm của Viet Thanh Nguyen về chiến tranh Việt Nam dưới góc nhìn căn tính*. Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- [8] Schaub, M. (2017). Memory and loss haunt the stories in *The Refugees*. NPR. Truy xuất nguồn: <https://www.npr.org/2017/02/09/512910786/memory-and-loss-haunt-the-stories-in-the-refugees>
- [9] Trần Lê Hoa Tranh. (2019). *Văn học di dân: Phác thảo diện mạo nữ nhà văn Việt Nam tại Hoa Kỳ*. Nhà xuất bản Phụ Nữ.
- [10] Viet Thanh Nguyen. (2017). *Người tị nạn* (Phạm Viêm Phương, dịch). Nhà xuất bản Hội Nhà văn.
- [11] Viet Thanh Nguyen. (2019). *Kẻ ly hương* (Bùi Thanh Châu, dịch). Nhà xuất bản Hội Nhà văn.